

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒNG NGỰ  
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 28-6-2022

V/v Tranh chấp về chia tài sản chung của vợ  
chồng sau khi ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒNG NGỰ, TỈNH ĐỒNG THÁP**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Huỳnh Thanh Tâm.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Đào Ngọc Ứng;

Ông Bùi Minh Châu;

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Tuyền, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hồng  
Ngự.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hồng Ngự tham gia phiên tòa:** Bà  
Lê Thị Kim Chi - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hồng Ngự, xét xử sơ  
thẩm công khai vụ án thụ lý số: 226/2019/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 12 năm 2019, theo  
Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 50/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 08 tháng 6 năm 2022;  
giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Ông Nguyễn Hiếu L (Đ), sinh năm 1963.

Địa chỉ: Khóm x, phường AT, thành phố HN, tỉnh Đồng Tháp.

Chỗ ở hiện nay: ấp x, xã ĐT, thành phố MT, tỉnh Tiền Giang.

**- Bị đơn:** Bà Lâm Ngọc A, sinh năm 1959.

Địa chỉ: Khóm x, phường AT, thành phố HN, tỉnh Đồng Tháp.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Lâm Ngọc A: Luật sư Nguyễn Thạch  
Th1, Văn phòng luật sư Nguyễn Thạch Th1, Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh. Địa chỉ:  
số x QT, phường y, quận GV, Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Ông Trần Văn D, sinh năm 1973.

Địa chỉ: ấp x, xã ĐT, thành phố MT, tỉnh Tiền Giang;

Chỗ ở hiện nay: ấp DT, xã LBĐ, huyện CG, tỉnh Tiền Giang.

2. Anh Nguyễn Lâm Hiếu Th2, sinh năm 1990 (con riêng bà A);

Địa chỉ: Khóm x, phường AT, thành phố HN, tỉnh Đồng Tháp;

3. Chị Nguyễn Lâm Hiếu Th3, sinh năm 1993 (con riêng bà A);

Địa chỉ: Khóm x, phường AT, thành phố HN, tỉnh Đồng Tháp.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- Theo đơn khởi kiện ngày 29/11/2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn ông Nguyễn Hiếu L trình bày: Vào năm 1994 ông và bà Lâm Ngọc A sống chung với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban thị trấn HN (nay là Ủy ban nhân dân phường AT). Quá trình chung sống không có con chung. Đến năm 2019 thì vợ chồng ông đã ly hôn bằng bản án sơ thẩm số 21/2019/HNGĐ-ST ngày 08/11/2019 của Tòa án nhân dân thị xã HN, không đồng ý nội dung bản án bà A kháng cáo, sau đó bà A rút đơn kháng cáo nên Tòa án tỉnh đình chỉ xét xử phúc thẩm, án có hiệu lực. Trước đây, khi ly hôn thì vợ chồng ông không yêu cầu giải quyết về phân tài sản. Nay ông yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng sau khi ly hôn gồm:

- Một nền nhà ở gắn liền phần đất thuộc thửa số 375, tờ bản đồ số 50, diện tích 116,3m<sup>2</sup>, loại đất ở đô thị, tọa lạc tại số x đường THD, khóm x, phường AT, thành phố HN, tỉnh Đồng Tháp. Tạm tính giá trị hiện tại là 2.500.000.000đ (Hai tỷ năm trăm triệu đồng), ông yêu cầu được sở hữu nhà, ông đồng ý chia công sức đóng góp cho bà Lâm Ngọc A với số tiền là 750.000.000đ vì nguồn tiền mua nền và xây dựng nhà là do cha mẹ ruột ông cho đất ông bán để lấy tiền mua nền và xây nhà.

- Một căn nhà gỗ lợp tol diện tích 4m x 23m do bà A tạo lập, năm 2005 ông bỏ tiền ra xây dựng lại thành nhà tường, một gác dài từ tiền đến hậu, tọa lạc tại số x đường ST, khóm x, phường AT, thành phố HN, tỉnh Đồng Tháp. Chi phí xây dựng căn nhà này là 230.000.000đ, trong đó tiền công là 60.000.000đ, tiền vật tư xây dựng là 170.000.000đ. Theo ông tạm tính giá trị hiện tại của nhà và đất là khoảng 700.000.000đ. Tuy nhiên, ông không yêu cầu chia đất, ông chỉ yêu cầu chia  $\frac{1}{2}$  giá trị xây dựng nhà với số tiền là 115.000.000đ (Một trăm mười lăm triệu đồng), ông yêu cầu được hưởng giá trị.

- Bị đơn bà Lâm Ngọc A trình bày: Sau khi chồng bà là ông Nguyễn Văn T chết, vào năm 1994 thì cha mẹ chồng bà đã tác hợp bà với em chồng bà là ông Nguyễn Hiếu L đến với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn HN (nay là Ủy ban nhân dân phường AT). Trong quá trình chung sống thì bà và ông L không có con chung, cả hai có tạo lập được một số tài sản chung, nhưng khi ly hôn chưa yêu cầu chia. Nay ông Nguyễn Hiếu L yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng sau khi ly hôn thì bà có ý kiến như sau:

- Nền nhà thuộc thửa số 375, tờ bản đồ số 50, diện tích 116,3m<sup>2</sup>, loại đất ở đô thị, tọa lạc tại số x đường THD, khóm x, phường AT, thành phố HN, tỉnh Đồng Tháp mà ông L yêu cầu chia có nguồn gốc từ tài sản chung của hai vợ chồng và của người chồng trước là Nguyễn Văn T để lại cho hai con là Hiếu Th2 và Hiếu Th3. Cha mẹ chồng bà có chín người con, chồng bà là con thứ ba, lúc cha mẹ còn sống tiến hành chia đất cho các con có nói, không kể trai gái mỗi đứa 02 công, đứa nào mất thì cháu hưởng. Lúc này, bà và ông L đã kết hôn, do hai con bà còn nhỏ nên bà xin cha mẹ chồng cho hai công đất của ông T sắp xếp gần đất ông L để toàn bộ 4 công cho ông L tạm đứng tên và quản lý. Do đó, hai con Th2 và Thảo phải được thừa kế 02 công đất của cha để lại. Do 4 công đất dính vào quy hoạch, Nhà nước bồi thường hơn 01 tỷ đồng và được tái định cư 4 nền nhà tại Đại lộ HV, xã ĐT, thành phố MT, sau đó gia đình bà bán hai nền nhà để có tiền xây dựng nhà tại địa chỉ số x đường THD, khóm x, phường AT, thành phố HN, tỉnh Đồng Tháp. Nay ông L yêu cầu chia toàn bộ nhà và đất nêu trên thì bà không đồng ý, vì đây là tài sản chung của hộ gia đình, nếu chia thì chia làm 4 phần gồm bà (Lâm Ngọc A), ông Nguyễn Hiếu L, Nguyễn Lâm Hiếu Th2 và Nguyễn Lâm Hiếu Th3. Bà đề nghị được sở hữu, sử dụng nhà và đất này và đồng ý trả giá trị phần ông L được hưởng trong khối tài sản chung này.

- Đối với căn nhà gỗ tọa lạc tại số x đường ST, khóm x, phường AT, thành phố HN là tài sản riêng của bà không liên quan gì đến ông L, ông L không bỏ tiền ra xây và tạo lập tài sản này. Nay ông L yêu cầu chia ½ giá trị xây dựng nhà với số tiền 115.000.000đ thì bà không đồng ý, đề nghị bác yêu cầu của ông L.

Ngoài ra, bà phản tố yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng gồm:

- 01 (Một) xe ô tô 07 chỗ hiệu Toyota Fortuner, biển kiểm soát số 63A – 01143, bà A ước tính giá trị hiện tại của tài sản này là 600.000.000đ (Sáu trăm triệu đồng), xe này hiện do ông Nguyễn Hiếu L đang trực tiếp quản lý;

- 01 (Một) xe Honda Air Balde Thái mang biển soát 63B1 -2771, bà A ước tính giá trị hiện tại của tài sản này là: 35.000.000đ (Ba mươi lăm triệu đồng), xe này hiện do ông Nguyễn Hiếu L đang trực tiếp quản lý;

- 01 (Một) xe Honda Future mang biển kiểm soát 63B9 -279.71, bà A ước tính giá trị hiện tại của tài sản này là: 10.000.000đ, xe này hiện do bà đang trực tiếp quản lý;

- 01 (Một) nhà đất thuộc thửa số 16, tờ bản đồ số 29, diện tích 72m<sup>2</sup>, loại đất ở nông thôn, tọa lạc tại ấp x, xã ĐT, thành phố MT, tỉnh Tiền Giang. Theo chứng từ là: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: BT496267, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận CH0470, được Ủy ban nhân dân thành phố MT, tỉnh Tiền Giang cấp ngày 01/8/2014, do ông Nguyễn Hiếu L đại diện đứng tên, bà ước tính giá trị hiện tại của tài sản này là 2.000.000.000đ (Hai tỷ đồng);

- 01 (Một) nhà đất thuộc thửa số 17, tờ bản đồ số 29, diện tích 72m<sup>2</sup>, loại đất ở nông thôn, tọa lạc tại ấp x, xã ĐT, thành phố MT, tỉnh Tiền Giang (Giấy chứng nhận quyền sử

dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BT496266, sổ vào sổ cấp GCN: CH0471, được Ủy ban nhân dân Thành phố MT, tỉnh Tiền Giang, cấp ngày 01/8/2014, do ông Nguyễn Hiếu L đại diện đứng tên, bà ước tính giá trị hiện tại của tài sản này là 2.000.000.000đ (Hai tỷ đồng).

Đối với tất cả các tài sản nêu trên, bà yêu cầu ông L chia đôi theo giá trị (bà và ông L mỗi người hưởng  $\frac{1}{2}$  giá trị, người nào nhận hiện vật thì phải đưa tiền lại cho người còn lại).

Bà thống nhất giá theo Chứng thư Thẩm định giá của Công ty thẩm định giá Châu Á ngày 02/12/2020. Tuy nhiên, do bà hợp đồng với Công ty Thẩm định giá diện tích đất cần định giá là 116,3m<sup>2</sup>, nên Công ty Thẩm định giá căn cứ vào diện tích trên, nhưng theo thẩm định thực tế diện tích 112,1m<sup>2</sup>, bà đề nghị Tòa án khi xem xét giải quyết điều chỉnh giá phù hợp với diện tích đo đạc thực tế ( $112,1\text{m}^2 \times 43.500.000\text{đ}/\text{m}^2 = 4.876.350.000\text{đ}$ ).

- *Luật sư Nguyễn Thạch Th1 là người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị đơn bà Lâm Ngọc A trình bày:* Thống nhất theo trình bày của bà Lâm Ngọc A, không bổ sung gì thêm.

- *Nguyên đơn công Nguyễn Hiếu L trình bày bổ sung:* Đối với yêu cầu phản tố của bà Lâm Ngọc A thì ông có ý kiến như sau:

- Đối với chiếc xe ô tô 07 chỗ hiệu Toyota Fortuner, biển kiểm soát số 63A – 01143, bà A ước tính giá trị hiện tại của tài sản này là 600.000.000đ (Sáu trăm triệu đồng), xe này hiện do ông đang trực tiếp quản lý. Tài sản này do ông bán nền nhà riêng của ông ở MT để mua, nền nhà này cha mẹ cho riêng ông, không nhập vào tài sản chung của vợ chồng, nên ông không đồng ý chia theo yêu cầu của bà A.

- Đối với chiếc xe Honda AirBalde Thái mang biển soát 63B1 -2771, bà A ước tính giá trị hiện tại của tài sản này là: 35.000.000đ (Ba mươi lăm triệu đồng), xe này hiện do ông đang đứng tên chủ quyền xe và đang trực tiếp quản lý. Đây là cũng là tài sản này do ông bán nền nhà riêng của ông ở MT để mua, nền nhà này cha mẹ cho riêng ông, không nhập vào tài sản chung của vợ chồng, nên ông không đồng ý chia theo yêu cầu của bà A.

- Đối với chiếc xe Honda Future mang biển kiểm soát 63B9 -279.71, bà A ước tính giá trị hiện tại của tài sản này là: 10.000.000đ, xe này hiện do ông đang đứng tên chủ quyền xe, bà A trực tiếp quản lý. Ông thừa nhận đây là tài sản chung của vợ chồng, đồng ý chia đôi, ông đồng ý giao cho bà A tiếp tục sở hữu, sử dụng, ông đồng ý nhận  $\frac{1}{2}$  giá trị tài sản này là 5.000.000đ.

- Đối với 01 (một) nền nhà đất thuộc thửa số 16, tờ bản đồ số 29, diện tích 72m<sup>2</sup>, loại đất ở nông thôn, tọa lạc tại ấp x, xã ĐT, thành phố MT, tỉnh Tiền Giang. Theo chứng từ là: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: BT496267, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận CH0470, được Ủy ban nhân dân thành phố MT, tỉnh Tiền Giang cấp ngày 01/8/2014, do ông đứng tên. Đây là tài sản do cha mẹ ông cho riêng

cá nhân ông và ông đã bán vào năm 2017, không phải là tài sản chung của vợ chồng, nên ông không đồng ý chia theo yêu cầu của bà A.

- Đối với 01 (một) nền nhà đất thuộc thửa số 17, tờ bản đồ số 29, diện tích 72m<sup>2</sup>, loại đất ở nông thôn, tọa lạc tại ấp x, xã ĐT, thành phố MT, tỉnh Đồng Tháp (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BT496266, số vào sổ cấp GCN: CH0471, được Ủy ban nhân dân Thành phố MT, tỉnh Tiền Giang, cấp ngày 01/8/2014, do ông đứng tên. Đây cũng là tài sản do cha mẹ ông cho riêng cá nhân ông và ông đã bán vào năm 2017, không phải là tài sản chung của vợ chồng, nên ông không đồng ý chia theo yêu cầu của bà A.

Ông thống nhất các ý kiến, yêu cầu đã thể hiện trước đây, không bổ sung gì thêm, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định. Đối với chứng thư thẩm định giá thì ông không có ý kiến. Đến thời điểm hiện tại ông không cung cấp hay yêu cầu gì thêm về giá cả. Tòa án cứ xem xét tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ để giải quyết. Tại phiên hòa giải ngày 01/6/2022, sau khi nghe đoạn ghi âm được dịch sang bằng Vi bằng ngày 05/6/2020 thì ông có ý kiến như sau: Ông thừa nhận giọng nói là của ông nhưng nội dung là do áp lực của bà A yêu cầu chia đất cho Thảo và Th2 nên nóng quá ông nói vậy chứ nội dung không phải vậy. Do sau cuộc họp gia đình ở MT, bà A nóng lên nói nhiều hơn anh em và còn hăm he hủy diệt MK, anh em ông ở MT nói về HN bà A nói thế nào thì nói theo bà đi, nên khi về nói chuyện với bà A ông mới nói những nội dung như ghi âm. Đất ông khẳng định là của cha ông cho ông, chỉ có ông đứng tên, không có đất nào là của anh T (A1). Anh em ông đều xác nhận là đất cha ông chia cho ông.

- Bà Lâm Ngọc A bổ sung: Tại phiên hòa giải ngày 01/6/2022, sau khi nghe đoạn ghi âm bà hoàn toàn thống nhất. Riêng phần trình bày của ông L thì bà không thống nhất vì ông L trình bày không đúng, trước kia ông L thường xuyên nói nặng nhẹ bà, nên về họp gia đình, khi họp gia đình bà nóng la đứa cháu con cô em chồng thứ năm (Nguyễn Ngọc Đ) có lên nhà bà học nghề chứ không phải la lớn tiếng với anh em bên chồng. Vấn đề chia tài sản là do ông L chủ động nói chứ bà không nói trước.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Lâm Hiếu Th2 có đơn xin vắng mặt nhưng có văn bản trình bày ý kiến như sau: Thống nhất theo trình bày của bà Lâm Ngọc A, không bổ sung hay yêu cầu gì.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Lâm Hiếu Th3 trình bày: Thống nhất theo trình bày của bà Lâm Ngọc A, không bổ sung hay yêu cầu gì. Thống nhất việc bà Lâm Ngọc A chấm dứt ủy quyền với chị.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn D có đơn xin vắng mặt nhưng có văn bản trình bày ý kiến như sau: Ngày 04/12/2017, ông có mua hai miếng đất của ông Nguyễn Hiếu L thông qua người được ủy quyền theo pháp luật tại MT, không liên hệ hay gặp mặt ông Nguyễn Hiếu L, chi tiết về diện tích đất và địa chỉ đúng theo miêu tả từ nội dung

phản tố của bà Lâm Ngọc A mà Tòa án đã chi tiết trong thông báo gửi ông, cụ thể sự việc như sau: Trước ngày 04/12/2017, ông có nhu cầu mua đất để cất nhà cho cá nhân nên tìm trên mạng mua bán đất MT, thấy thông tin bán đất vị trí trên, ông liên hệ và gặp anh Lê Hoài Ph, số chứng minh nhân dân 310716720, cư ngụ số x NTP, phường y, thành phố MT, tỉnh Tiền Giang là người đăng ký bán đất. Sau khi thỏa thuận về giá cả hai bên thống nhất, ông tiến hành ra công chứng để làm thủ tục mua bán. Trên hợp đồng mua bán thể hiện người bán là Nguyễn Hiếu L nhưng người được ủy quyền bán hợp pháp là anh Lê Hoài Ph, theo hợp đồng ủy quyền số công chứng 7829, quyền số 01/2017TP/CC-SCC/HDGD được Công chứng viên Văn phòng công chứng CL, tỉnh Tiền Giang chứng nhận ngày 01/12/2017. Sau khi nhờ tư vấn của dịch vụ mua bán nhà đất về các giấy tờ của ông Nguyễn Hiếu L là hợp pháp, hai bên tiến hành giao dịch mua bán theo quy định của pháp luật về việc mua bán. Ngoài hợp đồng ủy quyền mua bán cho anh Lê Hoài Ph, còn đính kèm về các giấy tờ xác nhận tình trạng hôn nhân của ông Nguyễn Hiếu L, giá mua bán là 340.000.000đ/nền/72m<sup>2</sup>, trên hợp đồng ghi rõ 680.000.000đ cho 02 nền (72m<sup>2</sup> x 2 = 144m<sup>2</sup>). Hợp đồng được Văn phòng công chứng CL, tỉnh Tiền Giang công chứng. Tất cả việc mua bán trên đều tuân thủ đúng pháp luật. Do đó, việc mua bán của ông L và ông về 02 nền nhà nói trên là hoàn toàn phù hợp. Ông xét thấy mình không liên quan gì đến vụ kiện tranh chấp tài sản giữa vợ chồng ông Nguyễn Hiếu L và bà Lâm Ngọc A, nên ông không yêu cầu gì trong vụ án này. Vì vậy, ông đề nghị Tòa án cho ông vắng mặt các phiên hòa giải, xét xử đến kết thúc vụ kiện.

- Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hồng Ngự phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án, đề nghị:

Chấp nhận một phần yêu cầu của ông Nguyễn Hiếu L, bà Lâm Ngọc A.

- Ông Nguyễn Hiếu L được tiếp tục quản lý, sử dụng, sở hữu tài sản gồm: 01 (một) xe ô tô 07 chỗ hiệu Toyota Fortuner, biển kiểm soát số 63A – 011.43; 01 (một) xe Honda Air Balde Thái mang biển soát 63P1 -2771. Ông L có trách nhiệm trả lại giá trị tài sản cho bà Lâm Ngọc A.

- Bà Lâm Ngọc A được tiếp tục quản lý, sử dụng, sở hữu tài sản đất diện tích 112,1m<sup>2</sup> thuộc thửa số 375, tờ bản đồ số 50, đất ở đô thị, tọa lạc tại số x đường THD, khóm x, phường AT và căn nhà kết cấu khung bê tông cốt thép, diện tích sàn sử dụng 349,3m<sup>2</sup> + mái đua tiền chế; 01 căn nhà gỗ lợp tol tọa lạc tại số x đường ST, khóm x, phường AT, thành phố HN; 01 (một) xe Honda Future mang biển kiểm soát 63B9 -279.71. Bà A được đến cơ quan có thẩm quyền kê khai, đăng ký thủ tục đứng tên quyền sử dụng đất, quyền sở hữu theo quy định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:*

- Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là vụ kiện tranh chấp về chia tài sản chung của vợ chồng sau khi ly hôn, nên thuộc thẩm quyền của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về sự vắng mặt của đương sự: Ông Trần Văn D và anh Nguyễn Lâm Hiếu Th2 vắng mặt nhưng tất cả đều có đơn xin vắng mặt. Đại diện Viện kiểm sát cũng đề nghị xét xử vắng mặt các đương sự này. Vì vậy, căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự nêu trên.

[2] *Về nội dung vụ án:* Bà Lâm Ngọc A và ông Nguyễn Văn T (anh ruột ông Nguyễn Hiếu L) là vợ chồng. Sau khi ông Nguyễn Văn T (chết năm 1994) thì cha mẹ chồng bà A đã tác hợp bà với em chồng bà là ông Nguyễn Hiếu L thành vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn HN (nay là Ủy ban nhân dân phường AT). Trong quá trình chung sống thì bà A và ông L không có con chung, cả hai có tạo lập được một số tài sản chung nhưng khi ly hôn chưa yêu cầu chia. Nay ông Nguyễn Hiếu L yêu cầu bà Lâm Ngọc A chia tài sản chung của vợ chồng sau khi ly hôn. Bà Lâm Ngọc A phản tố yêu cầu ông Nguyễn Hiếu L chia đôi giá trị tài sản.

[3] Hội đồng xét xử xét thấy: Đối với một căn nhà ở gắn liền phần đất thuộc thửa số 375, tờ bản đồ số 50, diện tích 116,3m<sup>2</sup> (diện tích đo đạc thực tế là 112,1m<sup>2</sup>), loại đất ở đô thị, tọa lạc tại số x đường THD, khóm x, phường AT, thành phố HN, tỉnh Đồng Tháp. Xét thấy, ông Nguyễn Hiếu L cho rằng đất và nhà này là tài sản của ông do cha ông cho đất ở MT ông được Nhà nước bồi thường và tài định cư nên ông bán 02 nền tái định cư cùng với số tiền bồi thường đem lên mua đất, xây căn nhà này và mua một xe ô tô. Bà Lâm Ngọc A thì cho rằng đất và nhà này có được xuất phát từ việc cha chồng chia đất cho hai người chồng của bà là ông T (chồng trước đã chết) và ông L. Sau đó ông L bán hai nền tái định cư và tiền bồi thường đem về mua đất và xây nhà này nên nhà và đất này có phần của chồng trước nên Th2 và Th3 cũng có phần hưởng. Xét thấy, đối với căn nhà này là tài sản có được sau khi ông L và bà A kết hôn, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất vào ngày 20/9/2010, số vào sổ CGCN:CH00729 cấp cho hộ ông Nguyễn Hiếu L đứng tên. Việc ông L cho rằng nguồn tiền mua đất, xây nhà là do ông bán đất của cha mẹ ông cho riêng ông là chưa phù hợp. Căn cứ Vi bằng lập lúc 8 giờ, ngày 05/6/2020 tại Văn phòng thừa phát lại Đồng Tháp do chị Nguyễn Lâm Hiếu Th3 cung cấp nội dung vi bằng ghi nhận việc chị Th3 trích xuất nội dung từ hai đoạn ghi âm được lưu trong bộ nhớ điện thoại của chị Th3 thành văn bản 55 trang giấy A4, (ghi âm được trích xuất thành vi bằng ông L thừa nhận lời nói trong đoạn ghi âm là lời nói của ông). Nội dung vi bằng là cuộc nói chuyện gia đình, liên quan đến tài sản, trong đó có đề cập đến nội dung đất ở MT, cha mẹ chia trên 04 công đất, ông L (Đ) 01 phần; anh ba (tên T, D1, A2) chồng trước bà A được chia 01 phần “trích vi bằng trang 2, 15, 31, 52-55...”. Từ nội dung trích vi bằng; biên bản giải trình vi bằng ngày

18/5/2022 giữa các đương sự và người làm chứng nội dung thể hiện lời trình bày của bị đơn bà Lâm Ngọc A là có cơ sở phù hợp; phần đất 04 công ông L được cha mẹ chia vào năm 2002 (*thông qua Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất*), trong đó có 01 phần của chồng trước bà A là anh ruột của ông L, gọi là anh ba (tên D1, T) giao cho ông L đứng tên quyền sử dụng đất. Phần đất này, vào năm 2005 dính quy hoạch Nhà nước đền bù tiền và cấp lại 4 nền tái định cư ông L đứng tên quyền sử dụng. Số tiền 1.199.321.000đ; bán 02 nền nhà tái định cư 2009, ông L và bà A sử dụng vào việc sửa căn nhà số x, đường ST, khóm x, phường AT; mua nền xây dựng nhà số x đường THD, khóm x, phường AT, thành phố HN, tỉnh Đồng Tháp. Cho nên, trong khối tài sản mà hiện nay ông L, bà A tranh chấp có một phần tài sản của L, một phần ông của T được cha mẹ cho có được; một phần tài sản tạo ra trong quá trình gia đình kinh doanh buôn bán bánh kem, trà. Tài sản đã được sáp nhập kể từ khi ông L, bà A nhận tiền đền bù quy hoạch, bán 02 nền tái định cư và được sử dụng vào việc kinh doanh, buôn bán, mua nền cất nhà, sửa nhà. Tất cả tài sản được xác định là tài sản chung của vợ chồng, không có căn cứ chứng minh là tài riêng của ông L được thừa kế riêng, được tặng cho riêng hoặc được thông qua giao dịch bằng tài sản riêng; không có căn cứ chứng minh hai con riêng của bà A là Nguyễn Lâm Hiếu Th2 và Nguyễn Lâm Hiếu Th3 có đóng góp, tạo lập ra tài sản chung hộ. Bà Lâm Ngọc A, Nguyễn Lâm Hiếu Th2 và Nguyễn Lâm Hiếu Th3 chỉ yêu cầu xác lập tài sản chung trong hộ gồm 4 người, không yêu cầu chia thừa kế tài sản của ông T để lại, nên không xem xét giải quyết. Cho nên, đất diện tích 112,1m<sup>2</sup> thuộc thửa số 375, tờ bản đồ số 50, đất ở đô thị, tọa lạc tại số x đường THD, khóm x, phường AT và nhà 03 tầng, kết cấu khung bê tông cốt thép, diện tích sàn sử dụng 349,3m<sup>2</sup> + mái đua tiền chế (căn nhà hiện nay do bà A quản lý) là tài sản chung của ông Nguyễn Hiếu L và bà Lâm Ngọc A, được chia đôi theo quy định. Ông L và bà A đều yêu cầu được nhận tài sản, chia ½ giá trị cho người còn lại. Xét thấy, căn nhà này không có sổ hộ khẩu chung, hộ khẩu bà A tại căn nhà số x, đường ST, khóm x, phường AT, thành phố HN; hộ khẩu ông L ở Thành phố MT, tỉnh Tiền Giang. Ông Nguyễn Hiếu L trong thời gian xảy ra mâu thuẫn với bà A và con riêng bà A là Nguyễn Lâm Hiếu Th2 nên sau khi ly hôn và trong quá trình đang tranh chấp chia tài sản thì ông về MT sinh sống, bà A trực tiếp sử dụng, quản lý căn nhà đến nay. Trong quá trình giải quyết vụ án giữa ông L và bà A tự thỏa thuận phân tài sản trong nhà. Theo đó, bà A sở hữu tài sản trong nhà trong đó có nhiều dụng cụ làm bánh kem, ông L nhận giá trị tài sản là 125.000.000đ, hai bên không yêu cầu Tòa án giải quyết phần này. Đây là sự tự nguyện của hai bên đương sự nên Hội đồng xét xử ghi nhận và không xem xét trong vụ kiện này. Do bà A sở hữu các tài sản trong nhà thì giao cho bà A tiếp tục sở hữu căn nhà là phù hợp và phải có trách nhiệm trả ½ giá trị đất và nhà này cho ông L theo định giá đất và nhà tổng cộng là 5.851.450.000đ : 2 = 2.925.725.000đ (hai tỷ chín trăm hai mươi lăm triệu bảy trăm hai mươi lăm nghìn đồng).



[4] Đối với căn nhà gỗ lợp tol diện tích 4m x 23m, tọa lạc tại số x, đường ST, khóm x, phường AT, thành phố HN, tỉnh Đồng Tháp do bà A và ông T (chồng trước bà A) tạo lập, năm 2005 ông L bỏ tiền ra xây dựng lại thành nhà tường, một gác dài từ tiền đến hậu,. Xét thấy, ông L và bà A đều thừa nhận nhà và đất này là tài sản riêng của bà A và người chồng trước ông Nguyễn Văn T cũng là anh ruột ông L tạo lập, nhưng trước đây là nhà gỗ, lợp tol, sau khi ông T chết, ông L sống với bà A mới tiến hành sửa chữa lại như hiện nay. Bà A không đồng ý theo yêu cầu của ông L nhưng bà không có tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho phần trình bày của mình. Trong khi đó ông L có cung cấp tờ xác nhận của ông Trần Văn B ngày 23/02/2019 thể hiện có xây dựng cho ông L căn nhà này, ông L đã trả số tiền 230.000.000đ cho ông Bình vào tháng 12/2005. Cho nên, xác định số tiền 230.000.000đ xây dựng sửa chữa nhà là tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân, cho nên bà A phải có nghĩa vụ trả lại cho ông L số tiền 115.000.000đ là phù hợp.

[5] Xét yêu cầu phản tố của bà Lâm Ngọc A về việc yêu cầu ông Nguyễn Hiếu L chia đôi giá trị tài sản, người nào nhận hiện vật thì phải đưa tiền lại cho người còn lại. Hội đồng xét xử xét thấy:

- Đối với xe ô tô 07 chỗ hiệu Toyota Fortuner, biển kiểm soát số 63A – 01143, hai bên đương sự thống nhất giá trị hiện tại của tài sản này là 600.000.000đ (Sáu trăm triệu đồng), xe này hiện do ông Nguyễn Hiếu L đang trực tiếp quản lý. Ông L cho rằng, xe là của cá nhân ông nên ông không đồng ý chia, nhưng ông L không chứng minh được nguồn tiền mua xe là của cá nhân ông. Do tài sản phát sinh trong thời kỳ hôn nhân nên được xem là tài sản chung của vợ chồng, chia đôi là phù hợp. Do đó, chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Lâm Ngọc A. Ông L tiếp tục sở hữu tài sản này và có trách nhiệm trả cho bà Lâm Ngọc A  $\frac{1}{2}$  giá trị là 300.000.000đ (ba trăm triệu đồng).

- Đối với 01 (Một) xe Honda Air Balde Thái mang biển kiểm soát 63B1 -2771, hai bên đương sự thống nhất giá trị hiện tại của tài sản này là: 35.000.000đ (Ba mươi lăm triệu đồng), xe này hiện do ông Nguyễn Hiếu L đang trực tiếp quản lý. Ông L cho rằng, xe là của cá nhân ông nên ông không đồng ý chia, nhưng ông L không chứng minh được nguồn tiền mua xe là của cá nhân ông. Do tài sản phát sinh trong thời kỳ hôn nhân nên được xem là tài sản chung của vợ chồng, chia đôi là phù hợp. Do đó, chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Lâm Ngọc A. Ông L tiếp tục sở hữu tài sản này và có trách nhiệm trả cho bà Lâm Ngọc A  $\frac{1}{2}$  giá trị là 17.500.000đ (mười bảy triệu năm trăm nghìn đồng).

- Đối với 01(Một) xe Honda Future mang biển kiểm soát 63B9 -279.71, hai bên đương sự thống nhất giá trị hiện tại của tài sản này là: 10.000.000đ, xe này hiện do bà A đang trực tiếp quản lý. Ông L và bà A đều thừa nhận đây là tài sản chung của vợ chồng, đồng ý chia đôi, xe này hiện nay do bà A trực tiếp quản lý nên giao cho bà A tiếp tục sở hữu và phải trả  $\frac{1}{2}$  giá trị cho ông Nguyễn Hiếu L là 5.000.000đ (Năm triệu đồng).

- Đối với 02 (hai) phần đất thuộc thửa số 16 và thửa số 17, cùng tờ bản đồ số 29, diện tích mỗi thửa là 72m<sup>2</sup>, loại đất ở nông thôn, tọa lạc tại ấp x, xã ĐT, thành phố MT, tỉnh Tiền Giang. Theo chứng từ là: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: BT496267, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CH0470, được Ủy ban nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang cấp ngày 01/8/2014, do ông Nguyễn Hiếu L đứng tên. Xét thấy, bà A cho rằng hai thửa đất này xuất phát từ việc cha mẹ chồng cho chồng trước của bà A (là ông T – anh ruột ông L) 02 công, cho ông L 02 công, do bà và ông L được cha mẹ chồng tác hợp làm vợ chồng nên bà yêu cầu chia đất ông T giáp ranh đất ông L và giao cho ông L đứng tên luôn. Sau khi Nhà nước quy hoạch bồi thường tiền và tái định cư 4 thửa đất thì ông L bán hai thửa cùng số tiền bồi thường đất đem về mua nền và xây căn nhà số x đường THD, khóm x, phường AT và mua xe ô tô, còn lại 02 thửa đất số 16 và thửa số 17 mà ông L đã bán. Ông L không thừa nhận đất này là có một phần của ông T vì toàn bộ là do ông đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sau khi nhận chuyển nhượng thừa kế từ cha mình nên không đồng ý chia theo yêu cầu của bà A vì ông cho rằng từ khi ông được tái định cư thuộc dự án đường HV nối dài theo biên bản bàn giao đất tái định cư ngày 25/4/2008 của Trung tâm phát triển quỹ đất và đầu tư xây dựng hạ tầng tỉnh Tiền Giang và khi ông được cấp quyền sử dụng đất đến khi ông chuyển nhượng cho ông Trần Văn D phần đất này đều do cá nhân ông Nguyễn Hiếu L. Xét thấy, mặc dù ông T (chồng bà A) không đứng tên phần đất nào do cha mình để lại, nhưng trên thực tế thì ông T có được phần hưởng của cha để lại, nhưng do ông T chết, ông L thay ông T làm chồng bà A nên nhập chung cả hai phần đất cho ông L đứng tên. Điều này phù hợp với lời trình bày của ông L tại đoạn ghi âm được Văn phòng thừa phát lại dịch ra thành “Vi bằng” vào ngày 05/6/2020, trong đó nhiều đoạn ông L thừa nhận đất của ông T, ông L nhập chung, ông đồng ý chia cho bà A phân nửa. Tại phiên hòa giải ngày 01/6/2022, sau khi ông L nghe lại các đoạn ghi âm được trích lược ra từ Vi bằng thì ông L thừa nhận nội dung ông nói là thật, nhưng do lúc đó nóng tính nên nói vậy chứ thực tế không phải, nhưng ông không có gì chứng minh. Ngoài ra, khi làm thủ tục chuyển nhượng đất ông L có ủy quyền cho ông Lê Hoài Ph trực tiếp đứng lý hợp đồng chuyển nhượng với ông Trần Văn D và trong hồ sơ thể hiện ông L có đến Ủy ban nhân dân yêu cầu xác nhận tình trạng hôn nhân là “Chưa kết hôn với ai” trong khi đó giữa ông L và bà A có đăng ký kết hôn tại thị trấn HN vào năm 2000. Do ông L tự ý bán hai nền nhà này là tài sản chung của vợ chồng nhưng bà A không hay biết, không có tài liệu chứng cứ, chứng minh bà A đồng ý việc ông L bán 02 nền nhà này, cũng không thể hiện ông L đại diện cho bà A xác lập giao dịch đối với người thứ ba, không có sự thỏa thuận bằng văn bản của vợ chồng theo quy định tại Điều 35 Luật hôn nhân và gia đình. Từ đó cho thấy thửa đất số 16 và 17 mà ông L đã bán cho ông D là tài sản chung của vợ chồng nên ông L phải có nghĩa vụ chia  $\frac{1}{2}$  giá trị cho bà A là phù hợp nên yêu cầu phản tố của bà A là có căn cứ. Bà A yêu cầu chia  $\frac{1}{2}$  giá trị theo giá là hợp lý, thời điểm ông L chuyển nhượng cho ông D theo hợp đồng mỗi nền có giá 340.000.000đ, hai

nền tổng cộng số tiền là 680.000.000đ. Tuy nhiên, do ông L tự ý bán hai nền nhà này chưa được sự thống nhất của bà A nên ông L phải có nghĩa vụ trả lại  $\frac{1}{2}$  giá trị hai nền nhà này cho bà A theo giá thị trường đã định là phù hợp (6.912.000.000đ : 2 = 3.456.000.000đ).

[6] Đối với giao dịch xác lập giữa ông L với ông Lê Hoài Ph, ông Trần Văn D không tranh chấp nên không đặt ra giải quyết.

[7] Đối với người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn D không yêu cầu gì đối với ông L, bà A, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Đối với người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Lâm Hiếu Th2 và chị Nguyễn Lâm Hiếu Th3 không tranh chấp nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] Đối với các tài sản trong nhà số x đường THD, khóm x, phường AT, thành phố HN, ông L và bà A đã tự thỏa thuận phân chia xong, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[10] Tại phiên tòa người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Lâm Ngọc A trình bày căn cứ và đề nghị:

- Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

1/ Căn nhà tại số x, đường THD là tài sản chung của hộ gia đình gồm các thành viên: bà Lâm Ngọc A, ông Nguyễn Hiếu L cháu Nguyễn Lâm Hiếu Th2 và Nguyễn Lâm Hiếu Th3. Đây là hình thức sở hữu chung hợp nhất có thể phân chia. Vì vậy, kính đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận ý kiến của bị đơn chia tài sản này làm 04 phần bằng nhau cho các thành viên của hộ gia đình sử dụng đất và giao nhà đất này cho bên phía Bị đơn và các con sở hữu, sử dụng.

2/ Ông Nguyễn Hiếu L thừa nhận căn nhà này do bà A tạo lập và ông L có bỏ ra chi phí xây nhà. Tuy nhiên, ông L lại không cung cấp được hóa đơn chứng từ thể hiện các chi phí xây nhà mà ông kê ra. Vì vậy, ông L yêu cầu chia  $\frac{1}{2}$  giá trị xây dựng nhà với số tiền là 115.000.000đ là hoàn toàn không có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét bác yêu cầu này của ông L và công nhận đây là tài sản riêng của bà A.

- Đối với yêu cầu phản tố của bị đơn:

1/ Đối với 01 xe ô tô 07 chỗ hiệu Toyota Fortuner, biển kiểm soát số: 63A – 01143. Hai bên thống nhất giá trị hiện tại của tài sản này là: 600.000.000đ. Bị đơn yêu cầu chia đôi, ông L được quyền sở hữu xe và phải bồi lại cho bị đơn số tiền là 300.000.000đ.

2/ Đối với 01 xe Honda Air Balde Thái mang biển kiểm soát 63P1 – 2771. Hai bên thống nhất giá trị hiện tại của tài sản này là 35.000.000đ. Bị đơn yêu cầu chia đôi, ông L được quyền sở hữu xe và phải bồi lại cho bị đơn số tiền là 17.500.000đ.

3/ Đối với 01 xe Honda Future mang biển kiểm soát 63B9 – 279.71. Hai bên thống nhất giá trị hiện tại của tài sản này là 10.000.000đ. Bị đơn yêu cầu chia đôi, bị đơn được quyền sở hữu xe và phải bồi lại cho nguyên đơn số tiền là 5.000.000đ.

4/ Đối với 02 nền đất là 01 nền đất thuộc thửa số 16, tờ bản đồ số 29, diện tích: 72,0 m<sup>2</sup> và 01 nhà đất thuộc thửa số 17, tờ bản đồ số 29, diện tích: 72,0 m<sup>2</sup>, loại đất ở nông thôn. Cùng tọa lạc tại ấp x, xã DT, thành phố MT, tỉnh Tiền Giang. Giá trị tài sản theo chứng thư thẩm định giá của Công Ty TNHH Định Giá Á Châu đối với hai nền đất này là 6.912.000.000đ. Bị đơn yêu cầu chia đôi giá trị hai tài sản này mỗi người được hưởng một nửa. Do nguyên đơn đã tự ý bán tài sản này nên yêu cầu Nguyên đơn phải thôi lại số tiền là 3.456.000.000đ.

Xét trình bày và đề nghị của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Lâm Ngọc A có một phần căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[11] Xét đề nghị của Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[12] Về án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng: Các đương sự phải chịu tiền chi phí tố tụng và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 26, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào: khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147, Điều 157, Điều 165, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 166 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 24, Điều 25, Điều 26, Điều 29, Điều 33, Điều 34, Điều 35, Điều 38, Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ Điều 12 và Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Tuyên xử:*

1/ Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hiếu L.

- Buộc bà Lâm Ngọc A có trách nhiệm giao lại cho ông Nguyễn Hiếu L giá trị ½ căn nhà số x đường THD, khóm x, phường AT, thành phố HN, tỉnh Đồng Tháp, tổng cộng là 2.925.725.000đ (hai tỷ chín trăm hai mươi lăm triệu bảy trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

- Bà Lâm Ngọc A được sở hữu căn nhà ở gắn liền phần đất thuộc thửa số 375, tờ bản đồ số 50, diện tích đo đạc thực tế là 112,1m<sup>2</sup>, loại đất ở đô thị, tọa lạc tại số x đường THD, khóm x, phường AT, thành phố HN, tỉnh Đồng Tháp (Theo các mốc M1 – M2 – M3 – M4 – M1, kèm theo sơ đồ đo đạc hiện trạng đất ngày 07/9/2020 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Hồng Ngự). Bà Lâm Ngọc A được đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đăng ký để cấp lại quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà theo quy định của pháp luật.

- Buộc bà Lâm Ngọc A có trách nhiệm trả lại cho ông Nguyễn Hiếu L  $\frac{1}{2}$  số tiền sửa chữa lại căn nhà số x đường ST, khóm x, phường AT, thành phố HN, tỉnh Đồng Tháp, tổng cộng là 115.000.000đ (một trăm mười lăm triệu đồng).

2/ Chấp nhận yêu cầu phân tố của bà Lâm Ngọc A.

- Buộc ông Nguyễn Hiếu L có trách nhiệm trả lại cho bà Lâm Ngọc A giá trị  $\frac{1}{2}$  chiếc xe ô tô 07 chỗ hiệu Toyota Fortuner, biển kiểm soát số 63A – 011.43, số tiền là 300.000.000đ (ba trăm triệu đồng) và giá trị  $\frac{1}{2}$  xe mô tô Honda Air Balde Thái, mang biển kiểm soát 63B1 - 2771, số tiền là 17.500.000đ (mười bảy triệu năm trăm nghìn đồng). Tổng cộng là 317.500.000đ (ba trăm mười bảy triệu năm trăm nghìn đồng).

- Ông Nguyễn Hiếu L được sở hữu chiếc xe ô tô 07 chỗ hiệu Toyota Fortuner, biển kiểm soát số 63A – 011.43 và chiếc xe Honda Air Balde Thái, mang biển kiểm soát 63B1 - 2771, hai xe trên do ông L đứng tên và đang quản lý, sử dụng.

- Buộc bà Lâm Ngọc A có trách nhiệm giao cho ông Nguyễn Hiếu L giá trị  $\frac{1}{2}$  chiếc xe mô tô Honda Future mang biển kiểm soát 63B9 -279.71, tổng số tiền là 5.000.000đ (Năm triệu đồng).

- Bà Lâm Ngọc A được sở hữu chiếc xe mô tô Honda Future mang biển kiểm soát 63B9 -279.71, do bà A đứng tên và đang quản lý, sử dụng.

3/ Buộc ông Nguyễn Hiếu L có trách nhiệm trả lại cho bà Lâm Ngọc A  $\frac{1}{2}$  giá trị đối với 02 (hai) phần đất thuộc thửa số 16 và thửa số 17, cùng tờ bản đồ số 29, diện tích mỗi thửa là 72m<sup>2</sup>, loại đất ở nông thôn, tọa lạc tại ấp x, xã ĐT, thành phố MT, tỉnh Tiền Giang với số tiền tổng cộng là 3.456.000.000đ (ba tỷ bốn trăm năm mươi sáu triệu đồng).

4/ Kể từ bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

5/ Về án phí và chi phí tố tụng:

\* Về án phí:

- Bà Lâm Ngọc A là người cao tuổi, được miễn tiền án phí theo quy định.

- Buộc ông Nguyễn Hiếu L chịu 114.819.225đ (Một trăm mười bốn triệu tám trăm mười chín nghìn hai trăm hai mươi lăm đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 33.975.000đ theo biên lai số 0007447 ngày 04 tháng 12 năm 2019. Ông Nguyễn Hiếu L còn phải nộp tiếp số tiền 80.844.225đ (Tám mươi triệu tám trăm bốn mươi bốn nghìn hai trăm hai mươi lăm đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hồng Ngự.

\* Về chi phí tố tụng: Tổng số tiền là 29.782.000đ, ông Nguyễn Hiếu L và bà Lâm Ngọc A mỗi người chịu phân nửa là 14.891.000đ. bà A đã tạm ứng số tiền 24.000.000đ, ông

L đã tạm ứng số tiền 5.782.000đ. Do đó, ông Nguyễn Hiếu L có trách nhiệm nộp thêm số tiền 9.109.000đ để trả lại cho bà Lâm Ngọc A.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được thông đạt hợp lệ.

“Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014)”.

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- VKSND Tp. Hồng Ngự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Huỳnh Thanh Tâm**



